

Số: 10 /NMĐSH1-TM

Cần Thơ, ngày 06 tháng 01 năm 2026

V/v cung cấp báo giá “Vật tư thay thế khắc phục bất thường, tồn tại các hệ thống, thiết bị trong vận hành lần 2”

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm “Vật tư thay thế khắc phục bất thường, tồn tại các hệ thống, thiết bị trong vận hành lần 2”. NMNĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc và tiến độ cung cấp: như các *Phụ lục đính kèm*.
2. Địa điểm giao hàng: NMNĐ Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, TP. Cần Thơ.
3. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày chào giá.
4. Thời gian gửi báo giá: trước 15h00 ngày 20/01/2026.
5. Phương thức gửi báo giá: gửi qua địa chỉ email hoặc theo địa chỉ tiếp nhận trực tiếp/bưu điện.
6. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Thương Mại - NMNĐ Sông Hậu 1

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, TP. Cần Thơ

Email: haipdm@pvpgb.vn; khoitm@pvpgb.vn; giangtth@pvpgb.vn; hunglt@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD NMĐ SH1: N.V.Chính (để b/c);
- Phòng: KTATMT, KHTC;
- Lưu VT, TM (L.T.H).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lương Khánh Duy

Phụ lục 1: Danh mục vật tư khắc phục bất thường, tồn tại các hệ thống, thiết bị trong vận hành lần 2 - Phần Cơ nhiệt
(Đính kèm công văn số 40 / NMDSH1-TM ngày 06 /01/2026)

STT	Mã VT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật, Mã hiệu	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
1	51786001	FGD Area Sump Pump	Maschine No : 56936.19-20 Type: WRS 80-320 ANSI-M, TMU200/4-290T Pump type : WRS 80-320 Flow: 100 m3/h; Head: 27,8m Efficiency: 64,8%; Power: 13,4 kW Impeller ø: 306 mm Motor type: TMU 200/4-290T 15kW@65°C 1460min-1 Type size: 3 Phase Squirrel cage Performance: 15Kw; Speed: 1455 rpm Voltage: 400 V; Frequence: 50Hz Protection Class: IP68	DUCHTING PUMPEN/ EMOD	G7/ Châu Âu	1	Cái	Yêu cầu hàng chính hãng

Ghi chú:

Danh mục hàng hóa, nhà sản xuất, tiêu chuẩn của hàng hóa nêu trên là hàng hóa thuộc các thiết bị hiện hữu tại Nhà máy/Chủ đầu tư lấy theo khuyến cáo của nhà sản xuất/chế tạo thiết bị, tài liệu O&M Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do đó, Nhà thầu phải chào đúng chủng loại/model, thông số kỹ thuật như yêu cầu để đảm bảo tương thích, đồng bộ với thiết bị/hệ thống hiện hữu, đang sử dụng tại Nhà máy (tương thích về kích thước, khả năng lắp đặt cho thiết bị/hệ thống nêu trên) để đảm bảo hệ thống/thiết bị vận hành lâu dài, ổn định, hiệu suất cao nhất

Yêu cầu khác:

- Tiến độ: Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp tốt nhất để Nhà máy xem xét;
- Địa điểm giao hàng: Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1;
- Chất lượng hàng hóa: Hàng hóa phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng;
- Chứng từ kèm theo hàng hóa:
 - + Hàng hóa phải có đầy đủ chứng chỉ xuất xứ (CO), chứng chỉ chất lượng (CQ/COA) (bản gốc hoặc bản photo công chứng hoặc bản điện tử) hoặc tài liệu có tính chất tương tự;
 - + Bảo hành: 365 ngày kể từ ngày hàng hóa được đưa vào lắp đặt/sử dụng nhưng không dài hơn 550 ngày kể từ ngày được nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.

***Lưu ý:** Để thuận tiện và thống nhất trong quá trình xem xét đánh giá bảng chào giá, đề nghị nhà cung cấp áp dụng mức thuế suất GTGT là 10% cho tất cả các hàng hóa.

11/01/2026

Phụ lục 2: Danh mục vật tư khắc phục bất thường, tồn tại các hệ thống, thiết bị trong vận hành lần 2 - Phần Điện
(Đính kèm công văn số 10 / NMĐSH1-TM ngày 10 /01/2026)

STT	Mã VT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật, Mã hiệu	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
1	49080098	Đầu nối xích nhựa cuộn cáp	P/N: H35Q.1.125S-FJT - Package Dimensions: 0.39 x 0.39 x 0.39 inches - Item Weight: 15.9ounces - Manufacturer: ToolRise - ASIN: B0F83P7DT8 Item model number ToolRise	ToolRise		10	Bộ	
2	49080100	Xích nhựa cuộn cáp	P/N: H35Q.1.125S-R75 - Diện tích ngoài cao 50mm, rộng 150mm - Diện tích trong cao 35mm, rộng 125mm. Bán Kính Cong: R75.	JFLO		20	Mét	
3	59801008	Compressor	Model: JT170G-P4Y1@T - Power Source AC:380-415V50Hz,3PH - Oil Type: DAPHNE OIL FVC68D - MGF.N0. 9110876 20200119 - DP-AP H 4.17 Mpa L 4.17Mpa - SP: 12.51 Mpa - Refrigerant: R410A	DAIKIN	ASEAN/ OECD	2	Cái	
4	39569004	Bộ mạch điều khiển dàn nóng điều hòa Daikin RKC71TVMV	Model: RKC71TVMV Công suất : 7100 W Nguồn điện: 1 pha, 220-240V, 50Hz Dòng điện: 10.9 A Môi chất lạnh: R32	DAIKIN	ASEAN/ OECD	1	Cái	(*)
5	51898082	Axial Fan	P/N: ZN050-ZIL.DC.V7P2 Điện áp : 380-480V 50/60Hz Công Suất: 0,9kW Dòng điện: 1,55-1,25A Tốc độ: 1550rpm IP54 Thermal Class 155	ZIEHL-ABEGG	G7/ Châu Âu	1	Cái	(*)
6	34490032	Cảm biến nhiệt độ Chiller Trane	P/N: SEN02133 Model: X 13650726100 Rev N 1733 TE Nguồn cấp: 24 VDC	Trane	Châu Âu/ OECD	3	Bộ	(*)

STT	Mã VT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật, Mã hiệu	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
7	39503017	BỘ ĐIỀU KHIỂN (Remote) DAIKIN	Model: BRC1NU64 P/N: B800063-642GQ Màu sắc: Trắng Ứng dụng: Điều khiển nhiệt độ phòng, điều chỉnh lưu lượng gió, điều hòa không khí trong nhà Thiết bị sử dụng: Điều khiển máy lạnh giấu trần Daikin 10hp - 20hp	Daikin		1	Cái	(*)
8	34619006	2nd Connector	Model: GS-2M-400-3 Dòng định mức: 400 A Số cực: 3P (3 pha)	HYOSUNG	Châu Âu/ OECD	4	Cái	(*)
9	34619007	Connector	Model: GS-400-3 Dòng định mức: 400 A Số cực: 3P (3 pha)	HYOSUNG	Châu Âu/ OECD	4	Cái	(*)
10	89129010	Bình ắc quy HR 1234WF2 (CSB)	- Model: HR 1234W F2 - Cells Per Unit: 6 - Voltage Per Unit: 12V - Capacity: 34W @ 15min-rate to 1.67V per cell @ 25°C (77°F) - Max Charge Current: 3.4 A - Max Discharge Current: 130 A - Internal Resistance: 19 mΩ - Float Charging Voltage: 13.5 to 13.8 VDC/unit Average at 25°C (77°F) - Nominal Dimensions: + Overall Height: 98.6 ± 1 mm + Length: 150.9 ± 2 mm + Width: 64.8 ± 1 mm. - Terminals type: F2-Faston Tab250	CSB		48	Bình	(*)
11	36659001	Driver Led (Led Power Supply)	- Model: LY50W-F-50C - Voltage Rating: + Input voltage range: 85 to 264 VAC, 95 to 250 VDC + Nominal output voltage: 12 VDC - Dimension (WxHxD): 18x90x55 mm - Mounting: DIN rail and direct mounting - Types of signaling: LED Operating voltage display (Green LED) - Signal output: LED - Status display: DC OK LED green - Degree of protection IP20	OEM		120	Cái	

STT	Mã VT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật, Mã hiệu	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
12	35084110	Relay REF 615E_1G HBFFAEAGNEA1 ANA11G	- Order code: HBFFAEAGNEA1ANA11G - IED: 615 series (including case) - Standard: IEC - Main application: Feeder protection and control - Functional application: Directional E/F and voltage measurements, 4CT+5VT - Analog inputs, outputs: 4I (10 I/5A; 1 I/5A) + 5U. - Binary inputs, outputs: 16BI+10BO - Communication, serial: No serial communication - Communication, Ethernet: Ethernet 100Base FX (2xLC, 1xRJ45) with HSR/PRP - Communication, protocol: IEC61850 - Front panel: Small LCD - Option 1: No optional software - Option 2: Directional EF - Power supply: 48-250 VDC; 100-240 VAC - Product version: 5.0 FPI	ABB	Châu Âu/ G7/ OECD	1	Cái	(*)
13	33895207	Ngăn kéo lộ vào	- Part no: 170581NC01, với các thiết bị và phụ kiện bên trong gồm: - MCCB Schneider, 4P 630A 36kA: 01 cái, - Auxiliary contact for MCCB NSX/ CVS Schneider: 06 cái - Pilot lights (Green) Schneider, 230VAC: 01 cái - Pilot lights (RED) Schneider, 230VAC: 01 cái - Pilot lights (YELLOW) Schneider, 230VAC: 01 cái - MCB 2P 6A Schneider: 01 cái	TGE		2	Bộ	(*)

101 2 6 9 1 5 1 1

STT	Mã VT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật, Mã hiệu	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
14	33895208	Ngăn kéo lộ ra tải động cơ 20kW	Part no: 170580UT37 , với các thiết bị và phụ kiện bên trong gồm: - MCCB NSX100B 3P 32A 25kA TMD Schneider: 01 cái - Auxiliary contact for MCCB NSX/ CVS Schneider: 03 cái - MCB 2P 6A Schneider: 01 cái - Rơ le trung gian 220VAC Schneider: 03 cái - Rơ le trung gian 2CO 24VDC Schneider: 01 cái - Để rò le trung gian 220VAC Schneider: 04 cái - Auxiliary contact for Contactor Schneider: 01 cái - Pilot lights (Green) Schneider, 230VAC: 01 cái - Pilot lights (RED) Schneider, 230VAC: 01 cái - Pilot lights (YELLOW) Schneider, 230VAC: 01 cái - Selector switches 2 Positions Stay put INO+INC Schneider: 01 cái - Push Button (Green) 3NO Schneider: 01 cái - Push Button (Red) INC Schneider: 01 cái - TeSys Contactors- LC1D 3P 40A AC-3 18.5kW INO+INC 220VAC Coil Schneider: 01 cái	TGE		2	Bộ	(*)
15	33895209	Ngăn kéo lộ ra feeder 20A	Part no: 170580UT38 , với các thiết bị và phụ kiện bên trong gồm: - MCCB NSX100B 3P 25A 25kA TMD Schneider: 01 cái - Auxiliary contact for MCCB NSX/ CVS Schneider: 03 cái - MCB 2P 4A Schneider: 01 cái - Pilot lights (Green) Schneider, 230VAC: 01 cái - Pilot lights (RED) Schneider, 230VAC: 01 cái - Pilot lights (YELLOW) Schneider, 230VAC: 01 cái	TGE		1	Bộ	(*)
16	33447009	Núm xoay CB (Switch handle 8E/2-4)	- Switch handle 8E/2-4 - Mã vật tư: PMC300122	TGE		5	Cái	(*)
17	21502007	M.M.O Anode	1. Type/Chemical Composition M.M.O (Ti rod), Φ19x200 mm, 0,26kg/ea; 2. MC Nylon: O.D 27 mm, Nylon; 3. Coupling: Φ45x50mm, A182-F316L; 4. Nipple: NPT 1"x70mm. SUS 304;	Hanil Corrosion Eng. Co, LTD	Châu Âu/ OECD	52	Bộ	
18	27801001	Reference Electrode	1. Type: Pure Zn, Φ30x50 mm, 0,25kg/ea; 2. MC Nylon: O.D 38 mm, Nylon; 3. Coupling: Φ60x50mm, A182-F316L; 4. Nipple: NPT 1,5"x70mm, SUS 304	Hanil Corrosion Eng. Co, LTD	Châu Âu/ OECD	32	Bộ	

STT	Mã VT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật, Mã hiệu	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
-----	-------	--------------	----------------------------	--------------	---------	----------	--------	---------

Ghi chú:

(*) Danh mục hàng hóa, nhà sản xuất, tiêu chuẩn của hàng hóa nêu trên là hàng hóa thuộc các thiết bị hiện hữu tại Nhà máy/Chủ đầu tư lấy theo khuyến cáo của nhà sản xuất/chế tạo thiết bị, tài liệu O&M Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do đó, Nhà thầu phải chào đúng chủng loại/model, thông số kỹ thuật như yêu cầu để đảm bảo tương thích, đồng bộ với thiết bị/hệ thống hiện hữu, đang sử dụng tại Nhà máy (tương thích về kích thước, khả năng lắp đặt cho thiết bị/hệ thống nêu trên) để đảm bảo hệ thống/thiết bị vận hành lâu dài, ổn định, hiệu suất cao nhất

Yêu cầu khác:

- Tiến độ: Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp tốt nhất để Nhà máy xem xét;
- Địa điểm giao hàng: Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1;
- Chất lượng hàng hóa: Hàng hóa phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng;
- Chứng từ kèm theo hàng hóa:
 - + Hàng hóa phải có đầy đủ chứng chỉ xuất xứ (CO), chứng chỉ chất lượng (CQ/COA) (bản gốc hoặc bản photo công chứng hoặc bản điện tử) hoặc tài liệu có tính chất tương tự;
 - + Bảo hành: 365 ngày kể từ ngày hàng hóa được đưa vào lắp đặt/sử dụng nhưng không dài hơn 550 ngày kể từ ngày được nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.

***Lưu ý:** Để thuận tiện và thống nhất trong quá trình xem xét đánh giá bằng chào giá, đề nghị nhà cung cấp áp dụng mức thuế suất GTGT là 10% cho tất cả các hàng hóa.

Phụ lục 3: Danh mục vật tư khắc phục bất thường, tồn tại các hệ thống, thiết bị trong vận hành lần 2 - Phần C&I
(Đính kèm công văn số 10 / NMDSHI-TM ngày 16/01/2026)

STT	Mã VT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật, Mã hiệu	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
1	39412028	Máy tính	- Model: Optiplex XE2. - CPU: Intel Core i5-4570S @2.9GHz. - RAM: 8GB-DDR3L-1600MHz for PC Desktop (hoặc 02 cái, mỗi cái 4GB-DDR3L-1600MHz for PC Desktop). - Hard disk drive: 500GB, HDD, 7200RPM, 3.5 inch, SATA. - Operating System: Windows 10 Enterprise 2016 LTSB x64bit. - Emerson certified để kết nối với Ovation network (Ovation 3.6.0) của nhà máy điện Sông Hậu 1. - Tương thích với các chương trình cần thiết để thực hiện chức năng OPC client để kết nối với hệ thống kích từ hiện hữu của nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1.	DELL		1	Cái	Yêu cầu hàng chính hãng
2	38304122	Monitor Module	FMM-101 - Nominal Operating Voltage: 15-32 VDC - Average operating current: 350 μ A, 1 communication every 5 seconds, 47k EOL; 600 μ A Max. (Communicating, IDC Shorted) - Maximum IDC wiring resistance: 1500 Ohms. - Maximum IDC Voltage: 11 Volts - Maximum IDC Current: 450 μ A - EOL resistance: 47K Ohms - Temperature Range: 32°F to 120°F (0°C to 49°C) - Humidity: 10% to 93% Non-condensing - Dimensions: 1.3" (3.302 cm) high x 2.75" (6.985 cm) wide x 0.65" (1.651 cm) deep - Wire Length: 6" (15.24 cm) minimum	NOTIFIER	ASEAN/ OECD	8	Cái	Yêu cầu hàng chính hãng

Ghi chú:

Danh mục hàng hóa, nhà sản xuất, tiêu chuẩn của hàng hóa nêu trên là hàng hóa thuộc các thiết bị hiện hữu tại Nhà máy/Chủ đầu tư lấy theo khuyến cáo của nhà sản xuất/chế tạo thiết bị, tài liệu O&M Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do đó, Nhà thầu phải chào đúng chủng loại/model, thông số kỹ thuật như yêu cầu để đảm bảo tương thích, đồng bộ với thiết bị/hệ thống hiện hữu, đang sử dụng tại Nhà máy (tương thích về kích thước, khả năng lắp đặt cho thiết bị/hệ thống nêu trên) để đảm bảo hệ thống/thiết bị vận hành lâu dài, ổn định, hiệu suất cao nhất

Yêu cầu khác:

- Tiến độ: Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp tốt nhất để Nhà máy xem xét;
- Địa điểm giao hàng: Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1;
- Chất lượng hàng hóa: Hàng hóa phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng;
- Chứng từ kèm theo hàng hóa:
 - + Hàng hóa phải có đầy đủ chứng chỉ xuất xứ (CO), chứng chỉ chất lượng (CQ/COA) (bản gốc hoặc bản photo công chứng hoặc bản điện tử) hoặc tài liệu có tính chất tương tự;
 - + Bảo hành: 365 ngày kể từ ngày hàng hóa được đưa vào lắp đặt/sử dụng nhưng không dài hơn 550 ngày kể từ ngày được nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.

***Lưu ý: Để thuận tiện và thống nhất trong quá trình xem xét đánh giá bằng chào giá, đề nghị nhà cung cấp áp dụng mức thuế suất GTGT là 10% cho tất cả các hàng hóa.**



Handwritten signature in blue ink.